

Số: 03/2020/QĐST-HNGĐ

P, ngày 17 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Lê Anh V, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990 và anh Lê Anh V, sinh năm 1985.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Anh V có 02 con chung tên là Lê Anh K, sinh ngày 14/7/2015 và Lê Tuấn Kh, sinh ngày 17/01/2019. Hiện nay cháu K và cháu Kh đang sống với chị T và anh V. Ly hôn, chị T và anh V thống nhất giao cháu Lê Anh K và cháu Lê Tuấn Kh cho chị Trần Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lê Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Anh K 2.500.000đ/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu Lê Tuấn Kh 2.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2020 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Lê Anh V tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trần Thị T và anh Lê Anh V xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không có nợ cá nhân, cơ quan tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0013609 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên, hoàn lại cho chị T 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Lê Anh V phải chịu 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- (Số 38, Quyển 01/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

Huỳnh Thị Tân Sang